

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177A/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 25.7.2017

V/v Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Minh Huệ;

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi xét xử công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số 22/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 07 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1985. (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh C, sinh năm 1982. (Vắng mặt lần 2 không lý do).

Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con ngày 06.01.2017 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã La Gi, chị Nguyễn Thị Hồng T – nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Trần Thanh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyền số 01/2009 cấp ngày 14/03/2009.

Sau khi kết hôn, chị T và anh C sống tại thôn Hiệp T khoảng 01 tháng, sau đó anh chị dọn về thôn Ba Đ, xã Tân H sinh sống đến nay. Thời gian đầu chung sống, chị và anh C hạnh phúc. Đến tháng 9/2016, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, tính tình thay đổi, giữa vợ chồng không hợp tính cách, thường bất đồng ý kiến trong công việc làm ăn. Vợ chồng đã nhiều lần cùng nhau hòa giải trong ôn hòa, anh C hứa sẽ chấm dứt quan hệ bất chính nhưng cuối cùng không thực hiện lời hứa, tiếp tục quan hệ phức tạp hơn. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh C đều không nghe và còn kiêu chuyện cãi vã, thậm chí đánh đập chị. Vì sợ nên chị phải về nhà cha mẹ ruột tạm tránh mặt. Khoảng tháng 2/2017, anh C không cho chị về nhà cha mẹ ruột. Anh C đã nhiều lần dùng cây để đánh đập chị, dùng lời lẽ thô lỗ xúc phạm chị và gia đình chị. Hiện nay, chị nhận thấy vợ chồng thường cãi vã, mâu thuẫn ngày càng nhiều, tình cảm của chị đối với anh C không còn, vợ chồng không muốn sống chung với nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Nguyễn Bích N (giới tính nữ), sinh ngày 01.9.2009 và Trần Nguyễn Bích N1 (giới tính nữ), sinh ngày 22/8/2015. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Anh Trần Thanh C – bị đơn:

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh C không chấp hành.

Theo kết quả xác minh nơi cư trú đối với anh Trần Thanh C thì anh Trần Thanh C có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận nhưng hiện nay đang sinh sống tại thôn B, xã T, thị xã L. Qua xác minh thực tế tại địa phương thì mâu thuẫn giữa chị T và anh C có xảy ra, anh C thường xuyên vũ phu, đánh đập chị T, công an viên ở địa phương phải can thiệp. Đánh giá hôn nhân khó hàn gắn.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – anh Trần Thanh C vắng mặt lần 2 không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Hội đồng xét xử và Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung :

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T;

- Về con chung : Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Trần Nguyễn Bích N (giới tính nữ), sinh ngày 01.9.2009 và Trần Nguyễn Bích N1 (giới tính nữ), sinh ngày 22.8.2015, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn, nuôi con của chị Nguyễn Thị Hồng T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh C vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Trần Thanh C, là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống, chị và anh C có hạnh phúc. Đến tháng 9/2016, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân theo chị T trình bày do vợ chồng không hợp tính cách, thường bất đồng ý kiến trong công việc làm ăn; anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, xúc phạm, nhiều lần đánh đập chị T. Qua xác minh tại địa phương và người thân của chị T và anh C có đủ căn cứ để xác định anh C có hành vi bạo lực gia đình. Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh C không chấp hành, từ đó cho thấy anh C không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị T. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T là có căn cứ nên

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Xét về điều kiện việc làm, chị T có công việc, có thu nhập đảm bảo việc nuôi con và chăm sóc con. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho chị Nguyễn Thị Hồng T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Trần Nguyễn Bích N (giới tính nữ), sinh ngày 01.9.2009 và Trần Nguyễn Bích N1 (giới tính nữ), sinh ngày 22/8/2015 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 262, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T.
Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Trần Thanh C.

2. Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Trần Nguyễn Bích N (giới tính nữ), sinh ngày 01.9.2009 và Trần Nguyễn Bích N1 (giới tính nữ), sinh ngày 22.8.2015. Anh C không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Thanh C được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số

0010094 ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Trần Thanh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND xã T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

NGÔ THẾ ANH

